

Bản án số: 1181/2023/DS-PT
Ngày: 13/12/2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tú Oanh**

Các Thẩm phán:

1. Bà **Phạm Thị Kim**

2. Bà **Nguyễn Thị Thu**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ, cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Bà **Nguyễn Thị Mộng Linh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào các ngày 05 tháng 12 năm 2023 và ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 481/DSPT ngày 24/10/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án sơ thẩm số 116/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5188/2023/QĐPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1972; Địa chỉ: số nhà G, Tổ G, Ấp E, xã P, huyện N, Thành phố H. (có mặt)

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: số nhà B đường L, Tổ A, xã N, huyện N, Thành phố H. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Thanh H1, sinh năm 1968; Địa chỉ: số nhà B đường L, Tổ A, Ấp D, xã N, huyện N, Thành phố H. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2022 và các biên bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày:

Ngày 13/01/2020, bà C có cho bà Huỳnh Thị H vay số tiền 600.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 5%/tháng, mỗi tháng trả lãi 30.000.000 đồng, thời hạn trả vốn gốc là 01 năm.

Ngày 30/6/2020, bà C có giao cho bà Huỳnh Thị H số tiền 460.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 5%/tháng, mỗi tháng trả lãi 23.000.000 đồng, thời hạn trả vốn gốc là 01 năm. Từ khi vay tiền đến nay bà H chưa trả đồng vốn, lãi nào.

Tôi yêu cầu bà Huỳnh Thị H và ông Võ Thanh H1 trả số tiền tạm tính như sau:

1/ Số tiền vay 600.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 13/01/2020 đến ngày 01/3/2023 tạm tính như sau: Lãi trong hạn 600.000.000 đồng x 20%/năm 120.000.000 đồng; Lãi quá hạn (600.000.000 đồng x 30%/năm x 2 năm) + 15.000.000 đồng (1tháng) = 375.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc lẫn lãi là 1.095.000.000 đồng.

2/ Số tiền vay 460.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày 01/3/2023 tạm tính như sau: Lãi trong hạn 460.000.000 đồng x 20%/năm = 92.000.000 đồng; Lãi quá hạn 460.000.000 đồng x 2,5%/tháng x 20 tháng 230.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc lẫn lãi là 782.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 26/7/2023 và phiên tòa sơ thẩm, bà C xác định lại yêu cầu khởi kiện buộc bà H và ông H1 liên đới trả cho bà C tổng số tiền gốc và lãi 2.000.000.000 đồng, trả hết 1 lần khi án có hiệu lực thi hành.

- Bị đơn bà Huỳnh Thị H là bị đơn trình bày:

Vào năm 2015, bà H có quen chị N bán cá chung rồi được giới thiệu tới nhà bà Phạm Thị C vay 10.000.000 đồng làm vốn bán, lãi là 10% nhưng theo hợp đồng thì bà C ghi là 5%/tháng.

Bà H có mượn bà C 10.000.000 đồng, mỗi tháng đóng lãi 1.000.000 đồng. Vài tháng sau do bán ế quá bà H mượn thêm 20.000.000 đồng, có đóng tiền lãi nhưng không đóng đủ tháng. Đóng lãi được 2.000.000 đồng thì bà C đưa thêm cho bà H 3.000.000 đồng là 5.000.000 đồng cộng cả tiền gốc. Đến năm 2016, lãi chồng chất thì bà C có đưa thêm 10.000.000 đồng nữa là 100.000.000 đồng, mỗi tháng đóng lãi 10.000.000 đồng. Buôn bán ế đóng lãi không đủ, đến năm 2017 bà C lấy lãi lên đến 160.000.000 đồng.

Bà H có trả cho bà C số tiền 100.000.000 đồng, còn 60.000.000 đồng thì xin trả dần thì bà C không đồng ý, mỗi ngày lấy lãi 200.000 đồng. Đến năm 2019, thì bà C cộng tiền gốc lẫn lãi là 193.000.000 đồng. Bà C có đưa cho bà 10.000.000 đồng, nửa tháng sau đưa cho bà thêm 57.000.000 đồng cho chẵn 260.000.000 đồng để dễ tính tiền lãi. Bà C làm hợp đồng 260.000.000 đồng bắt bà ký, phải đóng lại 1 ngày là 833.000 đồng nhưng bà C yêu cầu bà H đóng chẵn 900.000 đồng/ngày. Đến năm 2019, thì tiền lãi lên đến 100.000.000 đồng tổng cộng là 360.000.000 đồng.

Bà C cộng gốc lẫn lãi 1 lần nữa 100.000.000 đồng là 460.000.000 đồng và yêu cầu bà ký vô hợp đồng mà bà không đồng ý ký, thì có bà T đứng ra làm chứng kêu bà H ký vào nhưng không lấy số tiền đó. Sau 6 tháng thì bà không đủ khả năng trả lãi, bà

C cộng lãi thêm 140.000.000 đồng nữa là thành 600.000.000 đồng, bà C bắt bà phải ký vào hợp đồng vay nhưng thực tế bà H không có lấy số tiền đó.

Bà H xác nhận là bà có vay bà C số tiền gốc và lãi là 600.000.000 đồng. Hiện nay, do hoàn cảnh khó khăn bà là lao động chính trong gia đình nên mỗi ngày bà có khả năng trả cho bà C là 200.000 đồng/ngày.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Thanh H1 trình bày:

Ông không biết việc bà H vay nợ của bà C khi nào và để làm gì, ông H1 cũng không có sử dụng số tiền đó nên ông không liên quan đến việc vay nợ này, ông H1 yêu cầu Tòa án không triệu tập lên làm việc thêm về nội dung này.

Tại Bản án sơ thẩm số 116/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố H đã xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C về phần nợ gốc; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C về phần tính lãi.

Buộc bà Huỳnh Thị H và ông Võ Thanh H1 có nghĩa vụ liên đới trả một lần cho bà Phạm Thị C tổng số tiền 1.764.634.000 đồng, trong đó:

- Số tiền gốc và lãi của Hợp đồng vay tài sản ngày 13/01/2020 là 1.022.868.000 đồng.

- Số tiền gốc và lãi của Hợp đồng vay tài sản ngày 30/6/2020 là 741.766.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.939.020 đồng nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nguyên đơn bà Phạm Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.768.300 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp là 31.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0038077 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè Thành phố H. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Phạm Thị C số tiền 19.731.700 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

- Ngày 07/8/2023, bị đơn bà Huỳnh Thị H nộp đơn kháng cáo với nội dung: bà chỉ nợ tiền gốc và lãi tổng cộng 600.000.000 đồng; số tiền 460.000.000 đồng là từ 460.000.000 đồng cộng thêm tiền lãi 140.000.000 đồng, chứ bà không có lấy thêm số tiền 460.000.000 đồng; hiện hoàn cảnh khó khăn nên bà không đồng ý về tiền lãi, đối với tiền gốc bà sẽ thu xếp trả dần.

- Ngày 04/8/2023, nguyên đơn bà Phạm Thị C kháng cáo với nội dung việc Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất cho toàn bộ thời gian từ khi vay đến khi Tòa án giải quyết với mức lãi suất 20%/năm là không đúng, lãi suất quá hạn cần được tính theo lãi

suất trong hạn x 150%, ngoài ra còn yêu cầu lãi chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tổng số tiền lãi là 2.271.094.000 đồng.

- Ngày 21/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 17/QĐ-VKS-DS.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên khởi kiện, Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên kháng nghị, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về tố tụng:

Quyết định kháng nghị số 4291/QĐ-VKS-DS ngày 26/8/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, trong hạn luật định nên được công nhận về mặt hình thức.

Kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị H làm đúng hình thức, trong hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được công nhận về mặt hình thức.

[2] - Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Xét kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị H với nội dung: bà không vay số tiền 460.000.000 đồng, bà không đồng ý trả lãi, về nợ gốc thì xin được trả dần.

Hội đồng xét xử xét thấy,

Căn cứ vào Hợp đồng vay tài sản ngày 13/01/2020 thể hiện bà H có vay và nhận số tiền 600.000.000 đồng, Hợp đồng vay tài sản ngày 30/6/2020 thể hiện bà H có vay và nhận số tiền 460.000.000 đồng. Cả hai giấy vay tiền đều có chữ ký, điểm chỉ của bà H và được bà H thừa nhận. Bà H cho rằng số tiền 460.000.000 đồng bà không vay mà số tiền này cộng với tiền lãi 140.000.000 đồng để thành số tiền 600.000.000 đồng, tuy nhiên bà H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh; mặt khác theo bà H số tiền 460.000.000 đồng phát sinh trước, nhưng theo 02 giấy vay tiền thì số tiền 460.000.000 đồng lại vay vào ngày 30/6/2020, phát sinh sau số tiền 600.000.000 đồng nên không phù hợp với diễn biến của vụ án. Mặt khác, bà H cũng không có chứng cứ chứng minh số tiền 600.000.000 đồng là đã bao gồm tiền lãi 140.000.000 đồng nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bà H về nội dung kháng cáo này. Số

tiền vay đã lâu, quá thời hạn thỏa thuận trả mà bà H chưa trả nên ý kiến của bà H về việc được trả dần là không được chấp nhận.

Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị C kháng cáo với nội dung việc Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất cho toàn bộ thời gian từ khi vay đến khi tòa án giải quyết với mức lãi suất 20%/năm là không đúng, lãi suất quá hạn cần được tính theo lãi suất trong hạn x 150%, ngoài ra còn yêu cầu lãi chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tổng số tiền gốc và lãi là 2.271.094.000 đồng.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân với nội dung: Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự, bên vay phải chịu lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất trong hạn, tuy nhiên Tòa án chỉ áp dụng mức lãi suất trong hạn là không phù hợp với quy định pháp luật; phần quyết định của Bản án không ghi nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn không được chấp nhận, không phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định mức lãi suất 1,66%/tháng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là chưa chính xác; bản án tuyên ông Võ Thanh H1 phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bị đơn bà H trả nợ nhưng không tuyên ông H1 phải chịu án phí là chưa phù hợp quy định pháp luật.

Kháng cáo của bà C có nội dung về tính lãi suất quá hạn phù hợp với kháng nghị của Viện kiểm sát.

Hội đồng xét xử xét thấy,

Đối với số tiền vay 600.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, ngày vay 13/01/2020, thời hạn trả vốn gốc 01 năm; số tiền vay 460.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng, ngày vay 30/6/2020, thời hạn trả vốn gốc 01 năm. Bà C trình bày là bà H chưa trả lãi, phía bà H không đưa ra chứng cứ đã trả lãi.

Do thỏa thuận trả lãi của hai bên vượt quá quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần tính lại. Do thỏa thuận về lãi quy định cụ thể, không có chứng cứ gì khác thể hiện là có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất trong hạn được chấp nhận là 20%/năm và lãi suất quá hạn được chấp nhận là 30%/năm căn cứ theo điểm a, b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, ngoài ra người vay còn phải chịu lãi trên lãi chậm trả theo điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất trong hạn 1,66%/tháng (tương đương 19,92%/năm) và quá hạn cũng 1,66%/tháng là không đúng với quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 về lãi suất quá hạn cũng như mức lãi suất cao nhất được pháp luật cho phép là 20%/năm nên cần phải tính lại, cụ thể:

* Đối với khoản vay 600.000.000 đồng

Tiền lãi trong hạn từ ngày 13/01/2020 đến ngày 13/1/2021:

600.000.000 đồng x 20%/năm x 01 năm = 120.000.000 đồng,

Lãi quá hạn từ ngày 13/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/7/2023:

600.000.000 đồng x 20%/năm x 150% x 02 năm 06 tháng 14 ngày = 457.000.000 đồng

* Đối với khoản vay 460.000.000 đồng:

Tiền lãi trong hạn từ ngày 30/6/2020 đến ngày 30/6/2021:

$460.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 01 \text{ năm} = 96.000.000 \text{ đồng}$

Lãi quá hạn từ ngày 30/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/7/2023:

$460.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 150\% \times 02 \text{ năm} 27 \text{ ngày} = 286.350.000 \text{ đồng}$

Trong nội dung kháng cáo của nguyên đơn có yêu cầu tính lãi chậm trả theo điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng đây là tính lãi trên tiền gốc chậm trả là không đúng, mà đây là tính lãi trên tiền lãi chậm trả, bởi lẽ khoản điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự chỉ nói về tiền lãi trên nợ gốc trong thời hạn vay mà đến hạn chưa trả. Như vậy, về tiền lãi cho trường hợp chậm trả lãi khi đến hạn đối với 02 khoản tiền vay được chấp nhận gồm:

* Khoản tiền vay 600.000.000 đồng, tiền lãi khi đến hạn là 120.000.000 đồng, nên tiền lãi chậm trả là $120.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 02 \text{ năm} 06 \text{ tháng} 14 \text{ ngày} = 30.466.667 \text{ đồng}$.

* Khoản tiền vay 460.000.000 đồng, tiền lãi khi đến hạn là 96.000.000 đồng, nên tiền lãi chậm trả là $96.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 02 \text{ năm} 27 \text{ ngày} = 19.920.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng các khoản bị đơn phải trả cho nguyên đơn gồm 02 khoản vay:

Tiền gốc 600.000.000 đồng, lãi trong hạn: 120.000.000 đồng, lãi chậm trả: 30.466.667 đồng, lãi quá hạn 457.000.000 đồng. Tổng cộng 1.207.466.667 đồng.

Tiền gốc 460.000.000 đồng, lãi trong hạn: 96.000.000 đồng, lãi chậm trả: 19.920.000 đồng, lãi quá hạn 286.350.000 đồng. Tổng cộng 862.270.000 đồng.

Tổng cộng hai khoản vay: 2.069.736.667 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn bà C yêu cầu bà H và ông H1 trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H1 nên yêu cầu này được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận để sửa bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đưa ra yêu cầu mới tăng mức buộc bà H, ông H1 phải trả là vượt quá yêu cầu được xem xét tại phiên tòa sơ thẩm nên mức vượt quá không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung tính lại lãi suất.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung Tòa án cấp sơ thẩm đã bác một phần yêu cầu của nguyên đơn nhưng không tuyên trong phần quyết định là không đúng với tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy kháng nghị đối với nội dung là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

Đối với quyết định về việc buộc chồng của bị đơn bà H là ông Võ Thanh H1 chịu nghĩa vụ liên đới cùng với bà H trả tiền cho nguyên đơn, do ông H1 cũng như bà H không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về phần nội dung này nên căn cứ Điều 293 về phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử không xem xét lại. Tuy

nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H1 liên đới trách nhiệm trả tiền nhưng không buộc ông H1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là thiếu sót, nên kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sửa lại phần án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm không quyết định về nghĩa vụ do chậm thi hành bản án của người phải thi hành án theo hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 là có thiếu sót nên cần bổ sung trong phần quyết định, cụ thể các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng vượt quá mức quy định của pháp luật nên được tính lại là 20%/năm.

Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng: Do sửa bản án sơ thẩm nên sửa phần án phí dân sự sơ thẩm. Yêu cầu của nguyên đơn bà C tại phiên tòa sơ thẩm được chấp nhận toàn bộ nên bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà H, ông H1 liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn bà C được chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho bà C tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; Tòa án cấp phúc thẩm sửa án không liên quan đến phần kháng cáo của bà H nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 147; Điều 225; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 269; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 466; Điều 470; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 17/QĐ-VKS-DS ngày 21/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố H.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị C.

3. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị H.

4. Sửa Bản án sơ thẩm số 116/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố H.

Tuyên Xử:

5. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị C: Buộc bà Huỳnh Thị H và ông Võ Thanh H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị C số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, bao gồm tiền gốc, lãi của Hợp đồng vay tài sản ngày 13/01/2020 và Hợp đồng vay tài sản ngày 30/6/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm.

6. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Bà Phạm Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho bà C tiền tạm ứng án phí đã nộp 31.500.000 (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0038077 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố H.

Bà Huỳnh Thị H và ông Võ Thanh H1 liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 72.000.000 (Bảy mươi hai triệu) đồng.

7. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Phạm Thị C nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007274 ngày 08/08/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Huỳnh Thị H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007278 ngày 09/08/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, bà H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP . H;
- VKSND cấp cao tại TP . H;
- VKSND TP . H;
- TAND huyện NB;
- Chi cục THA DS huyện NB;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Tú Oanh

